TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT
Ngày: 21 tháng 3 năm 2019.
V/v: *"Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng
Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Quang và bà Nguyễn Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Hòa Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TBTL- TA ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐ- PT ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1942.
Địa chỉ: Số 59 đường T, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952.
Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông Nguyễn Công Luận, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Ông Nguyễn K, sinh năm 1958.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1964. (Giấy ủy quyền ngày 22/12/2017)

Cùng địa chỉ: Ấp 7 B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1940;
5. Ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1966;
6. Ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1969;
7. Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1971;
8. Anh Nguyễn Khắc K, sinh năm 1974;
9. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975;
10. Anh Nguyễn Khắc K1, sinh năm 1977;
11. Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980;
12. Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1983;
13. Anh Nguyễn Khắc D, sinh năm 1986;
14. Anh Nguyễn Khắc T3, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Khắc T1, ông T2, anh H, anh K, anh K1, anh D, anh T3, chị T, chị Đ và chị L là anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1966 theo các văn bản ủy quyền ngày 02/01/2018 và ngày 14/5/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Đ, chết năm 1999, và cụ Ngô Thị S, chết năm 1998, không để lại chúc, cha mẹ ông sinh được 07 người con là: Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N (đã chết năm 1972) không có vợ con; ông Nguyễn Công L; ông Nguyễn K; bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị R (chết năm 2002) kết hôn với ông Nguyễn Khắc T1 sinh được 10 người con chung là Nguyễn Khắc T, Nguyễn Khắc T2, Nguyễn Khắc H, Nguyễn Khắc Kh, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Khắc K, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Khắc D và ông Nguyễn Khắc T3.

Khi còn sống cụ Đ, cụ S có tạo lập được số tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 70m^2 xây dựng năm 1963 gắn liền diện tích 1.051m^2, thuộc thửa đất số 217, 244 tờ bản đồ 7d thôn H, xã H, huyện N. Giá trị đất là 800.000.000^đ (*Tám trăm triệu đồng*) hiện bỏ hoang không ai quản lý, sử dụng. Căn nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1963 hiện không còn giá trị sử dụng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, ông yêu cầu Tòa án chia diện tích đất 1.051m^2 của cha mẹ ông chết để lại theo quy định của pháp luật. Phần được chia ông yêu cầu được nhận đất,

ông đồng ý hỗ trợ thêm ông Nguyễn Văn T số tiền là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của ông V về: cha mẹ, năm chết của cha mẹ, anh chị em ruột và di sản cha mẹ để lại. Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông V thì ông không đồng ý. Lý do ông là con út, trước đây sống chung và chăm sóc cha mẹ cho đến khi ông lấy vợ. Trước khi cha mẹ chết đã nói miệng cho vợ chồng ông căn nhà gắn liền diện tích đất tranh chấp. Việc ông được cha mẹ ông cho nhà và đất có bà Ngô Thị H (dì ruột ông) làm chứng (bà H đã chết năm 2016), anh ruột là ông Nguyễn K cũng biết, khi cha mẹ chết ông K có giao chìa khóa nhà lại cho ông và nói cha mẹ cho thì ông được nhận. Sau khi cha mẹ chết ông vẫn lo thờ cúng cha mẹ nhưng vì phải làm ăn nên chỉ qua lại nhang khói, sau đó vì hiểu lầm anh chị ông có xảy ra xô xát với con trai ông nên ông không dám qua lại nhang khói mà bỏ hoang cho đến nay. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng ông chưa đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế 1.051m^2 đất của ông V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các ông, bà Nguyễn Công L; Nguyễn K (ủy quyền cho vợ là bà Ngô Thị Đ); Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: Các ông, bà đồng ý với trình bày cũng như yêu cầu của ông Nguyễn Văn V. Các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế 1.051m^2 đất, thuộc thửa đất số 217, 244 tờ bản đồ 7d tọa lạc thôn H, xã H theo quy định của pháp luật. Phần ông bà được hưởng yêu cầu nhận bằng đất. Nếu được nhận kỷ phần là đất theo quy định của pháp luật các ông, bà mỗi người sẽ hỗ trợ thêm ông Nguyễn Văn T 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Anh Nguyễn Khắc T trình bày: Anh đồng ý với trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Mẹ anh tên Nguyễn Thị R đã chết, anh yêu cầu được nhận đất phần thừa kế mẹ anh được hưởng thừa kế của ông bà ngoại. Nếu được nhận kỷ phần là đất theo quy định của pháp luật anh đồng ý hỗ trợ thêm ông Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015;Điều 26, 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.051m^2 tại thôn H – xã H– huyện N. (có sơ đồ trích lục kèm theo)

- Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 176m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 126m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 307 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn Văn V được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 308 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn Công L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 309 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn K được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 310 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 311 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà R bao gồm: ông Nguyễn Khắc T; anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc T2, anh Nguyễn Khắc H; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng T; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng L; chị Nguyễn Thị Hồng Đ; anh Nguyễn Khắc D và anh Nguyễn Khắc T được quyền cùng quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 312 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Nguyễn Văn V, Nguyễn K, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị T, người đại diện của những người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế của bà Nguyễn Thị R là anh Nguyễn Khắc T mỗi người hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Tổng cộng là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá; nghĩa vụ chịu án phí; Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét tính công nuôi cha mẹ khi già yếu, bệnh tật và công đổ đất san lấp mặt bằng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc T2, anh Nguyễn Khắc H, anh Nguyễn Khắc K, chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Khắc K, chị Nguyễn Thị Hồng L, chị Nguyễn Thị Hồng Đ, anh Nguyễn Khắc D và anh Nguyễn Khắc T3 vắng mặt, cùng ủy quyền hợp pháp cho anh Nguyễn Khắc T, anh T có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn K vắng mặt, ủy quyền hợp pháp cho bà Ngô Thị Đ, bà Đ có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông T1, ông T2, anh H, anh K, anh K1, anh D, anh T, chị T, chị Đ, chị L và ông K.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V không rút đơn khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bản án dân sự sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật" là có cơ sở, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T:

[2.1] Yêu cầu tính công nuôi cha mẹ khi già yếu, bệnh tật:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có yêu cầu tính công nuôi cha mẹ khi già yếu, bệnh tật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T lại đưa ra yêu cầu này (BL 146), căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,*

công khai chứng cứ và hòa giải" và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu",* Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của bị đơn là đúng. Do yêu cầu này của bị đơn chưa được xem xét, giải quyết tại bản án sơ thẩm nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo này của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của bị đơn nhưng không nhận định trong bản án căn cứ, lý do không xem xét, giải quyết là thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.2] Yêu cầu tính công đổ đất san nền:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu tính công đổ đất nâng nền trên diện tích đất tranh chấp nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh ông Dương Hoàng Thanh H, bà Trần Thị H là hai người dân sống gần diện tích đất đang tranh chấp, ông H và bà H cung cấp như sau: từ năm 1998, 1999 đến nay không có ai đổ đất nâng nền trên diện tích đất 1.051m^2, thuộc thửa đất số 217, 244 tờ bản đồ 7d tại thôn H, xã Hộ H, mà qua hàng năm đất tự bồi lấp (BL 126), Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T kháng cáo cung cấp hai nhân chứng ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972 trú tại đường Đ, phường M, thành phố P và ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972 trú tại thôn L, xã H, huyện N.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 18/02/2019 của TAND tỉnh Ninh Thuận, ông Nguyễn Hữu T trình bày: ông là người làm công cho gia đình ông T từ năm 1987 đến năm 1992, thời gian này ông có cùng ông T dùng xe bò xúc đất nâng nền trên diện tích đất tranh chấp, khi đổ đất người dân sống lân cận đất tranh chấp đều chứng kiến…(BL 159). Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Đ và bà Trần Thị H là hai người dân sống liền kề đất tranh chấp từ năm 1972, 1974, hai bà cùng cho biết: từ năm 1972, 1974 cho đến nay không thấy ông T hay ai trong gia đình ông T đổ đất, nâng nền trên diện tích đất tranh chấp (BL 160, 161).

Ông Nguyễn Anh T, ông T cung cấp địa chỉ là đường Đ, phường M, thành phố P nhưng trên địa bàn Thành phố P không có phường M. Tòa án đã đề nghị ông T cung cấp lại địa chỉ nhưng ông T không thực hiện nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông T được (BL 158).

Ngoài lời khai của ông Nguyễn Hữu T cho rằng có cùng ông T dùng xe bò xúc đất nâng nền trên diện tích đất tranh chấp, ông T không cung cấp được

chứng cứ chứng minh nào khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T về yêu cầu tính công đổ đất nâng nền trên diện tích đất 1.051m^2 tọa lạc thôn H, xã H, huyện N.

[2.3] Tại biên bản lấy lời khai của của bị đơn ông Nguyễn Văn T ngày 21/3/2018 và 31/5/2018 (BL 72, 77) của TAND huyện N, ông T có yêu cầu tính công đổ đất nâng nền trên diện tích đất tranh chấp. Đây là yêu cầu phản tố đưa ra trước thời điểm mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 03/10/2018). Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn yêu cầu phản tố, xác định giá trị đổ đất nâng nền để thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý bổ sung vụ án, theo qui định tại Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng tại bản án, lại nhận định và bác yêu cầu của bị đơn là thiếu sót, Hội đồng xét xử phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

[2.4] Về chi phí thẩm định, định giá và trích lục tại Tòa án cấp sơ thẩm: Tổng chi phí là 4.077.000đ, ông Nguyễn Văn V tự nguyện chịu toàn bộ. Ông V đã nộp đủ.

[2.5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Công L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000^đ theo Biên lai số 0012088 ngày 13/11/2017của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.698.000^đ.

+ Anh Nguyễn Khắc T, anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc H; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng Tr; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng L; chị Nguyễn Thị Hồng Đ; anh Nguyễn Khắc D và anh Nguyễn Khắc T2 mỗi người phải chịu 605.000^đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- **Tuyên xử:** Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

- **Áp dụng:** Điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1, khoản 5 điều 147, điều 165, điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.051m^2 tại H – H – N (có trích lục kèm theo).

- Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 176m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 126m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 307 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn Văn V được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 308 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn Công L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 309 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho ông Nguyễn K được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 310 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 311 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

- Giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Rằng bao gồm: ông Nguyễn Khắc T; anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc T2, anh Nguyễn Khắc H; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng T; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng L; chị Nguyễn Thị Hồng Đ; anh Nguyễn Khắc và anh Nguyễn Khắc T3 được quyền cùng quản lý, sử dụng diện tích 175m^2 (*trong đó 50m^2 là đất ở tại nông thôn và 125m^2 là đất nông nghiệp khác*) thuộc thửa 312 tờ bản đồ 7d, bản đồ địa chính xã H tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện N, Ninh Thuận.

Toàn bộ diện tích đất 1.051m^2 hiện ông Nguyễn Văn T đang quản lý nên ông Tại phải giao lại cho ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Công L, bà Nguyễn Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà R bao gồm: ông Nguyễn Khắc T; anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc T2, anh Nguyễn Khắc H; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng T; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng L; chị Nguyễn Thị Hồng Đ; anh Nguyễn Khắc D và anh Nguyễn Khắc T3 phần diện tích đất đã giao ở trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Nguyễn Văn V, Nguyễn K, Nguyễn Công L, Nguyễn Thị T, người đại diện của những những người thừa kế của bà Nguyễn Thị R là anh Nguyễn Khắc T mỗi người hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Tổng cộng là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Ông T được quyền sở hữu số tiền 25.000.000 đồng này.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ.

Về chi phí thẩm định, định giá và trích lục tại Tòa án cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V đồng ý chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Công L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000^đ theo Biên lai số 0012088 ngày 13/11/2017của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.698.000^đ.

+ Anh Nguyễn Khắc T, anh Nguyễn Khắc T1, anh Nguyễn Khắc H; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng T; anh Nguyễn Khắc K; chị Nguyễn Thị Hồng L; chị Nguyễn Thị Hồng Đ; anh Nguyễn Khắc D và anh Nguyễn Khắc T2 mỗi người phải chịu 605.000^đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015837 ngày 30/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 đối với tổng số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị

cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (21/3/2019)./.

Nơi nhận:
- Đương sự ;
- TAND cấp cao tại Tp HCM;
- TAND huyện N;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV - THA;
- Lưu(HS-AV, Tổ HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hưng Dũng